

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2025/HS-ST

Ngày: 14-5-2025

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương

Thẩm phán: Ông Trương Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vương Kim Tám.

Ông Cầm Long Thiệp.

Ông Trần Ngọc Diệp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 74/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

**1. Lò Thị Đ**, sinh ngày 05/12/1975, tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKKHKT: Bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nơi ở hiện tại: Bản H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hoá: 01/12; Con ông Lò Văn P, sinh năm 1923 (đã chết); con bà Lò Thị P, sinh năm 1923; Bị cáo có chồng là Vì Văn L, sinh năm 1972 (đã chết) và có 02 người con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tại Bản án số 77/HSPT ngày 05/8/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt Lò Thị Đ 02 (hai) năm tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo đã chấp hành xong bản án và đã được xóa án tích. Bị cáo chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/10/2024 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. Giàng Thị N**, sinh ngày 07/7/1970, tại tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: Bản H1, xã T1, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Giáy; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hoá: 01/12; Con ông Giàng Văn T, sinh năm 1944 (đã chết); con bà Lý Thị D, sinh năm 1946 (đã chết); Bị cáo có chồng là Lò Văn N, sinh năm 1968 và có 03

người con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tại Bản án số 110/HSST ngày 21/7/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt Giàng Thị N 20 năm tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo đã chấp hành xong bản án, đã được xóa án tích. Bị cáo chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/10/2024 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**3. Lò Thị T**, sinh ngày 12/02/1971, tại tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: Bản S, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hoá: 02/12; Con ông Lò Văn P1, sinh năm 1936 (đã chết); con bà Lý Thị N, sinh năm 1939; Bị cáo có chồng là Thào Văn L, sinh năm 1967 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/10/2024 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**4. Lò Mai H**, sinh ngày 04/5/1989, tại tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản Phủ, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông Lò Văn L, sinh năm 1962; con bà Quàng Thị T, sinh năm 1968; Bị cáo có chồng là Bùi Ngọc Đ, sinh năm 1986 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh ngày 19/12/2022; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/10/2024 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**5. Vì Thị P**, sinh ngày 25/5/1994, tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKHKTT: Bản B, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Nơi ở hiện tại: Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông Vì Văn L, sinh năm 1972 (đã chết); con bà Lò Thị Đ, sinh năm 1975; Bị cáo có chồng thứ nhất là Lò Văn Hùng, sinh năm 1991 (đã ly hôn năm 2019) và có 02 người con với chồng thứ nhất, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015; bị cáo có chồng thứ hai là Lò Văn P, sinh năm 1986 (đã đăng ký kết hôn năm 2023) và có 01 người con với chồng thứ hai, sinh ngày 04/10/2023. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/10/2024 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**6. Bùi Ngọc Đ**, sinh ngày 29/11/1986, tại tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản P, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới

tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông Bùi Quang S, sinh năm 1958 và con bà Nguyễn Thị Dung, sinh năm 1957; Bị cáo có vợ là Lò Mai H, sinh năm 1989 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh ngày 19/12/2022; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/10/2024 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**7. Lò Văn B**, sinh ngày 01/01/1964, tại tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hoá: 3/10; Con ông Lò Văn P, sinh năm 1923 (đã chết); con bà Lò Thị P, sinh năm 1923; Bị cáo có vợ là Quàng Thị U, sinh năm 1967 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1986, con nhỏ nhất sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tại Bản án số 01/2011/HS-ST ngày 26/10/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt Lò Văn B 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo đã chấp hành xong bản án và đã được xóa án tích. Bị cáo chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/10/2024 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**8. Vi Văn A**, sinh ngày 20/3/1997, tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKKHKT: Bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nơi ở hiện tại: Bản H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông Vi Văn L, sinh năm 1972 (đã chết); con bà Lò Thị Đ, sinh năm 1975; Bị cáo có vợ là Lò Thị T, sinh năm 1997 và có 01 người con, sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/10/2024 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Lò Thị Đ:** Ông Lê Đình T, Luật sư Văn phòng Luật sư C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên (*Có đơn xin xét xử vắng mặt và đã gửi bài bào chữa cho Hội đồng xét xử sơ thẩm*).

- **Người bào chữa cho bị cáo Giàng Thị N:** Bà Vũ Thị N, Luật sư Văn phòng Luật sư C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên (*Có mặt tại phiên tòa*).

- **Người bào chữa cho bị cáo Lò Thị T:** Ông Hoàng Tiến N, Luật sư Văn phòng Luật sư P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên (*Có mặt tại phiên tòa*).

- **Người bào chữa cho bị cáo Lò Mai H:** Ông Trần Ngọc T, Luật sư Văn phòng Luật sư P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên (*Có mặt tại phiên tòa*).

- **Người bào chữa cho bị cáo Vi Thị P:** Bà Mai Thị Thanh L, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (*Có mặt tại phiên tòa*).

- **Người bào chữa cho bị cáo Bùi Ngọc Đ:** Ông Bùi Đình M, Luật sư Văn phòng Luật sư P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên (*Có mặt tại phiên tòa*).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Khắc D, sinh năm 1986. Địa chỉ: NV9 khu H, số 1 Nguyễn Huy T, phường T, quận T, thành phố Hà Nội (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

- **Người phiên dịch tiếng Thái cho bị cáo Lò Thị Đ:** Anh Lường Văn O, sinh năm 2005. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (*Có mặt tại phiên tòa*).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, các bị cáo Lò Thị Đ, Giàng Thị N, Lò Thị T, Lò Mai H, Vì Thị P, Bùi Ngọc Đ, Lò Văn B, Vì Văn A, bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Năm 2022, Lò Thị Đ đi bán hàng tạp hoá ở xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, Đ quen biết một người nữ giới, giới thiệu tên là T, người nước Lào. Tháng 6/2024, Lò Thị Đ đi khám bệnh ở phòng khám Đa khoa T thuộc phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, Đ gặp T, T nói cho Lò Thị Đ biết T có bán ma túy, Đ muốn mua bán ma túy thì T sẽ chuyển cho Đ 30 viên ma túy Methamphetamine bán thử không lấy tiền, nếu chất lượng ma túy tốt, T sẽ tiếp tục gửi ma túy cho Đ bán hưởng lợi, Đ đồng ý. Khoảng 7 giờ ngày 01/7/2024, T gọi điện thoại thông báo cho Lò Thị Đ biết, trong ngày 01/7/2024, một người nam giới tên là K, khoảng 40 tuổi, cư trú tại bản Pa Xa Xá, xã Pa Thơm, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, sẽ mang 30 viên ma túy Methamphetamine đến Bản H, xã T, huyện Đ giao cho Đ. Khoảng 17 giờ cùng ngày, một người đàn ông tên là K mang một gói nilon màu xanh chứa 30 viên Methamphetamine đến công nhà Lò Thị Đ ở Bản H, xã T, huyện Đ, giao cho Đ. Nhận được ma túy Đ mang cất giấu 30 viên Methamphetamine trong ngăn kéo bàn trang điểm tại phòng ngủ của Đ, mục đích bán kiếm lời. Ngày 04/7/2024, Lò Văn B thuê Lò Văn L, cư trú tại bản H, xã T3, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, cắt cỏ cho trâu và buộc cây lúa bị đổ, với tiền công là 200.000 đồng/01 ngày. Do Lò Văn L là người nghiện ma túy, Lún muốn Lò Văn B trả công làm thuê 01 ngày bằng 20 viên ma túy Methamphetamine, nên hồi 11 giờ 38 phút ngày 05/7/2024, B gọi điện thoại cho Lò Thị Đ thoả thuận mua 30 viên ma túy Methamphetamine, giá 10.000 đồng (mười nghìn đồng)/01 viên. Lò Thị Đ đang đi du lịch ở thị xã S, tỉnh Lào Cai, nên hồi 11 giờ 54 phút cùng ngày, Đ gọi điện thoại cho Vì Văn A, bảo Anh lấy 30 viên ma túy Methamphetamine ở trong ngăn kéo bàn trang điểm tại phòng ngủ của Đ, giao bán cho Lò Văn B. Sau khi thoả thuận mua ma túy với Lò Thị Đ, Lò Văn B mang 300.000 đồng đi bộ từ nhà B đến nhà Đ mua ma túy. Hồi 12 giờ 45 phút cùng ngày, B đi đến nhà Đ gặp Vì Văn A, Anh đưa cho B một gói nilon màu xanh chứa 30 viên ma túy Methamphetamine, B đưa cho Anh 300.000 đồng trả tiền mua ma túy. Mua được ma túy B cất giấu vào trong túi quần rồi đi bộ về nhà, trên đường đi B gặp Lò Văn L ở đường đi thuộc Bản H, xã T, huyện Đ, B đã đưa gói nilon màu xanh chứa 30 viên ma túy

Methamphetamine cho L để trả công tương ứng với 1,5 ngày công. Ngày 11/7/2024, Lò Thị Đ đi du lịch về đến nhà, Vì Văn A đưa cho Đ 300.000 đồng, tiền A bán 30 viên ma túy Methamphetamine cho Lò Văn B.

Đầu tháng 9/2024, Lò Văn B đặt mua 200 viên ma túy Methamphetamine của Vì Thị T, sinh năm 1985, cư trú tại bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, với giá 5.000 đồng/01 viên, mục đích để bán kiếm lời. Khoảng 7 giờ ngày hôm sau, Vì Thị T điều khiển xe mô tô không rõ nhãn hiệu, màu, B số xe, đi đến cổng nhà Lò Văn B, Tươi giao cho B một túi nilon màu xanh chứa 200 viên ma túy Methamphetamine, B đưa cho Tươi 1.000.000 đồng, trả tiền mua ma túy. Mua được ma túy B cất giấu vào trong phòng ngủ nhà của Lò Văn Ph, sinh năm 1960, ở Bản H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, (là anh ruột B, hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Nà Tấu - Bộ Công an). Sau đó, Lò Văn B thuê Lò Văn L đi cắt cỏ cho trâu ăn  $\frac{1}{2}$  ngày, tại nhà B, B đã lấy 10 viên ma túy Methamphetamine trả công cho Lún. Từ tháng 9/2024 đến ngày 20/10/2024, Lò Văn B tiếp tục bán 42 viên ma túy Methamphetamine cho những người nghiện ma túy không biết tên, địa chỉ, giá 10.000 đồng/01 viên, 148 viên ma túy Methamphetamine còn lại, B cất giấu tại nhà của Lò Văn Ph. Ngày 24/10/2024, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp nhà ở của Lò Văn Ph, thu giữ 148 viên ma túy Methamphetamine của Lò Văn B.

Cuối tháng 8/2023, Lò Thị T xuất cảnh qua cửa khẩu M thuộc xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu, sang Trung Quốc mua hàng hoá tiêu dùng, T gặp, quen biết một người nam giới là người nước Trung Quốc, khoảng 50 tuổi, không biết tên, tuổi, địa chỉ, tại khu vực cách cửa khẩu M khoảng 01 km. Sau khi nói chuyện làm quen, Lò Thị T và người nam giới Trung Quốc cho nhau số điện thoại để liên lạc. Khoảng đầu tháng 8/2024, người nam giới Trung Quốc gọi điện thoại cho Lò Thị T thoả thuận đặt mua 07 bánh Heroine, giá 120 triệu đồng/01 bánh, T đồng ý và hẹn khi nào có ma túy, sẽ thông báo cho người nam giới biết. Do T có quen biết với Giàng Thị N nên sau khi người nam giới Trung Quốc đặt mua ma túy, T gọi điện thoại cho N đặt mua 07 bánh Heroine, giá 110 triệu đồng/01 bánh, N đồng ý, hẹn khi nào hỏi mua được ma túy, sẽ thông báo cho T. Do N có quen biết với Lò Thị Đ nên sau khi T đặt mua ma túy, N gọi điện thoại cho Đ, N bảo Đ đi mua 07 bánh Heroine bán cho bạn của N, giá 110.000.000 đồng/01 bánh, Đ đồng ý. Ngày hôm sau, Giàng Thị N đi đến nhà sàn của Lò Thị Đ ở bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, gặp Đ, Đ gọi điện thoại cho T hỏi mua một bánh Heroine, T thông báo giá bán Heroine, Đ đưa điện thoại của Đ cho Giàng Thị N trực tiếp nói chuyện với T, xác nhận lại giá mua một bánh Heroine là 75.000.000 đồng. Sau đó, Lò Thị Đ và Giàng Thị N thống nhất, Đ sẽ đặt mua 07 bánh Heroine rồi vận chuyển đến tỉnh Lai Châu bán cho bạn của N, còn N đi nhận tiền bán 07 bánh Heroine, để cùng hưởng lợi. Thoả thuận xong, nhưng do chưa tin tưởng người mua ma túy nên Đ nói với N là N đưa người của Đ đến tỉnh Lai Châu xem nhà của bạn N. Do không muốn người của Đ biết N tham gia mua bán ma túy với Đ và cũng không muốn người của Đ gặp mặt Lò Thị T nên khoảng 7 giờ

ngày hôm sau, N đón xe ô tô khách đi đến thành phố L, tỉnh Lai Châu để tìm, thuê người dẫn đường đưa người của Đ đến xem nhà của Lò Thị T. Khi đến bến xe khách tỉnh Lai Châu, N gặp một người nữ giới khoảng 30 tuổi, không biết tên, tuổi, địa chỉ là người điều khiển xe ô tô, N thoả thuận thuê người nữ giới chở N đến nhà Lò Thị T ở bản S, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu, để người nữ giới biết vị trí nơi ở của Lò Thị T, để khi người của Lò Thị Đ đến thành phố L, tỉnh Lai Châu, người nữ giới sẽ đón, chở người của Đ đến xem nhà của Lò Thị T. Thoả thuận xong, N đưa cho người nữ giới 500.000 đồng, để trả tiền công chở N đến nhà của Lò Thị T và chở người của Lò Thị Đ đến xem nhà của Lò Thị T, người nữ giới đã cung cấp cho Giàng Thị N số điện thoại của người nữ giới để liên lạc. Sau đó, theo hướng dẫn của N, người nữ giới điều khiển xe mô tô, chở N đến nhà của Lò Thị T. Ngày hôm sau, Giàng Thị N gọi điện thoại cho Lò Thị Đ, N cung cấp số điện thoại của người nữ giới điều khiển xe ô tô cho Đ, để khi người của Đ đến thành phố L, tỉnh Lai Châu thì liên hệ với người nữ giới, người nữ giới sẽ đón, đưa người của Đ đến xem nhà của Lò Thị T. Khoảng cuối tháng 8/2024, Lò Mai H đến nhà bà nội của H là Lò Thị P tại Bản H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, H gặp Lò Thị Đ, Đ đã thoả thuận thuê H vận chuyển ma túy từ xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên đến thành phố L, tỉnh Lai Châu, Đ sẽ trả công cho H nhưng chưa nói rõ trả bao nhiêu tiền, H đồng ý. Lò Thị Đ đưa cho Lò Mai H một điện thoại di động có lưu số thuê bao của người nữ giới điều khiển xe ô tô, Đ bảo H ngày mai đi đến thành phố L, tỉnh Lai Châu, H liên hệ với người sử dụng số thuê bao lưu trong điện thoại của Đ, để được chỉ dẫn đến nhà của người nhận ma túy, chuẩn bị cho việc giao nhận ma túy sau này. Ngay sau đó, Lò Mai H sử dụng điện thoại của Lò Thị Đ, gọi điện thoại cho người nữ giới điều khiển xe ô tô, người nữ giới hẹn đón H ở khu vực qua Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lai Châu hướng đến tỉnh Lào Cai khoảng 06 km. Khoảng 6 giờ ngày hôm sau, Lò Mai H đi xe ô tô khách từ thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đến thành phố L, tỉnh Lai Châu, theo sự chỉ dẫn của người phụ nữ điều khiển xe ô tô, H đã đến và biết nhà của Lò Thị T ở bản S, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu. Sau khi Lò Mai H xác định được nhà của Lò Thị T, Lò Thị Đ đã gọi điện thoại cho T đặt mua 07 bánh Heroine, giá 75.000.000 đồng/01bánh, T đồng ý và hẹn khi nào chuẩn bị đủ 07 bánh Heroine, T sẽ thông báo cho Đ biết. Khoảng hai ngày sau, T gọi điện thoại báo Đ cử người đến khu vực biên giới Việt Nam - Lào thuộc xã Thanh Chăn, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, nhận 07 bánh Heroine. Lò Thị Đ gọi điện thoại cho Lò Văn T2, sinh năm 1986, cư trú tại Bản H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, Đ thuê T2 đi đến khu vực biên giới Việt Nam - Lào thuộc xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, nhận 07 bánh Heroine của T rồi vận chuyển về nhà giao lại cho Đ, Đ sẽ trả công cho T2 35.000.000 đồng, T2 đồng ý. Ngay sau đó, Lò Văn T2 đi đến nhà Lò Thị Đ, Đ sử dụng điện thoại của Đ gọi cho T rồi đưa điện thoại cho T2 trực tiếp nói chuyện với T, thống nhất vị trí giao nhận 07 bánh Heroine. Khoảng 16 giờ ngày 30/8/2024, Lò Văn T2 gọi điện thoại báo Lò Thị Đ đến nhà Lò Văn Ph nhận ma túy. Tại nhà Lò Văn Ph, T2 giao cho Đ một túi nilon màu đỏ chứa 07 bánh Heroine, Đ nhận và cất giấu túi nilon màu đỏ chứa Heroine ở gầm bàn uống nước trong nhà Lò Văn Ph, đồng thời, Đ gọi điện thoại thông báo cho

Giàng Thị N biết Đ đã chuẩn bị được 07 bánh Heroine rồi Đ đi về nhà Lò Thị P. Khoảng 30 phút sau, Lò Mai H đi đến nhà bà Lò Thị P gặp Đ, Đ bảo H vận chuyển 07 bánh Heroine đến thành phố L, tỉnh Lai Châu, giao cho người chủ ngôi nhà mà H đã được đến xem nhà trước đó, Đ dẫn H đến nhà Lò Văn Ph cách nhà bà Lò Thị P khoảng 20 mét, chỉ vị trí cất giấu túi nilon màu đỏ chứa 07 bánh Heroine cho H biết và đưa cho H ứng trước 2.000.000 đồng tiền công, để H vận chuyển ma túy đến tỉnh Lai Châu. Nhận tiền xong, Lò Mai H điều khiển xe mô tô Honda Lead, màu đen, biển số 27B2-239.97, đi về nhà bảo chồng là Bùi Ngọc Đ thuê xe ô tô, để đi vận chuyển ma túy đến thành phố L, tỉnh Lai Châu. Đ điều khiển xe mô tô Honda Lead, màu đen, biển số 27B2-239.97, chở Lò Mai H đi đến tổ dân phố 2, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, Đ thuê xe ô tô Toyota Vios của Phạm Văn X, sinh năm 1990, cư trú tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, còn H điều khiển xe mô tô đi đến nhà bà Lò Thị P. Sau khi Bùi Ngọc Đ thuê được xe ô tô, Lò Mai H gọi điện thoại báo Đ điều khiển xe ô tô đi đến nhà Lò Văn Ph nhận ma túy. Khi Bùi Ngọc Đ điều khiển xe ô tô đi đến trước cửa nhà Lò Văn Ph, Lò Mai H lấy túi nilon màu đỏ chứa 07 bánh Heroine ở gầm bàn uống nước trong nhà Lò Văn Ph, để vào ghế sau vị trí ghế lái xe ô tô do Đ điều khiển, rồi H điều khiển xe mô tô Honda Lead, màu đen, biển số 27B2-239.97, đi gửi ở Bệnh viện Đa khoa tỉnh Điện Biên, rồi H thuê xe ô tô taxi Vinfast VF5, màu trắng, biển số 27A-106.07, do Phạm Trung D, sinh năm 1984, cư trú tại tổ dân phố 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, điều khiển chở H đi từ thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đến thành phố L, tỉnh Lai Châu, để kiểm tra đường cho Bùi Ngọc Đ điều khiển xe ô tô vận chuyển ma túy đi sau. Hồi 20 giờ 26 phút cùng ngày, Phạm Trung D điều khiển xe ô tô chở Lò Mai H đi đến tổ dân phố 3, phường S, thị xã M, tỉnh Điện Biên thì Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Điện Biên kiểm tra xe ô tô do D điều khiển nhưng không phát hiện, tạm giữ đồ vật, tài liệu, tài sản. Sau khi lực lượng Công an kiểm tra xe ô tô taxi xong, Lò Mai H tiếp tục đi xe taxi xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu và gọi điện thoại thông báo cho Bùi Ngọc Đ biết, Đ đã cất giấu túi nilon màu đỏ chứa 07 bánh Heroine ở km H1/95, Quốc lộ 12 thuộc phường S, thị xã M, tỉnh Điện Biên, rồi tiếp tục điều khiển xe ô tô đến xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu đón, chở H đi về nhà. Khoảng 7 giờ ngày 31/8/2024, Lò Mai H điều khiển xe mô tô Honda Lead, màu đen, biển số 27B2-239.97, đi đến nhà Lò Thị Đ, thông báo cho Đ biết việc H, Đ vận chuyển ma túy đến thị xã M, tỉnh Điện Biên thì bị lực lượng Công an kiểm tra, Đ đã cất giấu ma túy ở thị xã M. Ngày 05/9/2024, Lò Mai H đến nhà Lò Thị P gặp Lò Thị Đ, Đ bảo H ngày 06/9/2024, H cùng Vì Thị P là con gái của Đ đi đến thị xã Mường Lay lấy 07 bánh Heroine mang về giao lại cho Đ, khi nào thuận lợi sẽ vận chuyển ma túy đến thành phố L, tỉnh Lai Châu sau, H đồng ý. Ngay sau đó, Lò Thị Đ đi bộ đến quán Spa của Vì Thị P, tại Bản H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, giáp với nhà của Đ, Đ bảo P ngày 06/9/2024, P điều khiển xe mô tô chở Lò Mai H đến thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên, lấy 07 bánh Heroine mang về cho Đ. Khoảng 8 giờ ngày 06/9/2024, Vì Thị P điều khiển xe mô tô Honda Sh, màu xám đen, biển số 27B2-139.01, Lò Mai H điều khiển xe mô tô Honda Lead, màu đen, biển số 27B2-239.97, đi đến nhà Lò Thị

Đ ở Bản H, xã T, huyện Đ, H để xe mô tô của H tại nhà Đ rồi P điều khiển xe mô tô của P chở H đi đến thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên lấy ma túy. Khi đến khu vực cột mốc H1/95, Quốc lộ 12 thuộc phường Sông Đà, thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên, Vì Thị P đã lấy túi nilon màu đỏ chứa 07 bánh Heroine do Bùi Ngọc Đ cất giấu tại đây vào ngày 30/8/2024, P treo túi nilon màu đỏ chứa ma túy ở móc phía trước yên xe mô tô Honda Sh, màu xám đen, biển số 27B2-139.01, rồi điều khiển xe mô tô chở Lò Mai H đi về nhà Lò Thị Đ. Khi về đến bến xe khách thị xã Mường Lay, Lò Mai H xuống xe mô tô, đón xe ô tô taxi để đi trước kiểm tra đường cho Vì Thị P vận chuyển ma túy đi sau. Khoảng 17 giờ cùng ngày, Vì Thị P vận chuyển ma túy về đến nhà Lò Thị Đ, Đ bảo P cất giấu túi nilon màu đỏ đựng 07 bánh Heroine ở kho thóc dưới gầm nhà sàn của gia đình Lò Thị Đ tại bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vì Thị P tiếp tục điều khiển xe mô tô vận chuyển ma túy đến bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, cất giấu túi nilon màu đỏ chứa 07 bánh Heroine ở cạnh kho thóc, giáp chuồng gà gầm nhà sàn của gia đình Lò Thị Đ. Do không yên tâm về vị trí cất giấu ma túy, khoảng 18 giờ cùng ngày, Lò Thị Đ điều khiển xe Honda Wave  $\alpha$ , màu xanh đen bạc, biển số 27B2-210.14, đi từ nhà Đ ở Bản H, xã T đến nhà sàn ở bản N, xã T, lấy túi nilon màu đỏ chứa 07 bánh Heroine ở cạnh kho thóc cất giấu vào bên trong kho thóc. Khoảng ít ngày sau, T gọi điện thoại thông báo cho Lò Thị Đ biết, T còn 01 bánh Heroine bán giá 90.000.000 đồng, Đ đã gọi điện thoại báo Giàng Thị N liên hệ với người mua ma túy, sau khi N liên hệ với Lò Thị T, T đồng ý mua thêm 01 bánh Heroine, tổng cộng là 08 bánh Heroine với giá 110.000.000 đồng/ 01 bánh. Khoảng gần giữa tháng 9/2024, T gọi điện thoại báo Lò Thị Đ chuẩn bị cử người đến biên giới Việt Nam - Lào thuộc xã T4, huyện Đ, nhận 01 bánh Heroine, Đ đã gọi điện thoại cho Lò Văn T2, thuê T2 đi đến biên giới Việt Nam - Lào thuộc xã T4, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, nhận thêm 01 bánh Heroine của T rồi vận chuyển về nhà giao lại cho Đ, Đ sẽ trả công cho T 10.000.000 đồng. Ngay sau đó, Lò Văn T2 đi đến nhà Lò Thị Đ, Đ sử dụng điện thoại của Đ gọi cho T rồi đưa điện thoại cho T2 trực tiếp nói chuyện với T, thống nhất vị trí giao nhận ma túy. Khoảng 16 giờ ngày hôm sau, Lò Văn T2 gọi điện thoại báo Lò Thị Đ đi đến nhà T2 nhận 01 bánh Heroine, Đ điều khiển xe Honda Wave  $\alpha$ , màu xanh đen bạc, biển số 27B2-210.14, đi từ nhà Đ ở Bản H, xã T đến nhà T2 ở Bản H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên nhận ma túy. Khi Đ đi đến cổng nhà T, T2 giao một túi nilon màu đen chứa 01 bánh Heroine cho Đ, Đ treo túi nilon chứa ma túy ở móc phía trước yên xe mô tô của Đ rồi điều khiển xe đi đến bản N, xã T, huyện Đ, Đ cho 01 bánh Heroine vào trong túi nilon màu đỏ chứa 07 bánh Heroine, cất giấu ma túy trong kho thóc ở gầm nhà sàn của gia đình Đ. Khoảng 16 giờ ngày 16/9/2024, Lò Mai H điều khiển xe mô tô Honda Lead, màu đen, biển số 27B2-239.97, đến nhà bà Lò Thị P1 gặp Lò Thị Đ, Đ đã báo H ngày 17/9/2024, H cùng Vì Thị P tiếp tục vận chuyển 08 bánh Heroine đến thành phố L, tỉnh Lai Châu, giao cho người chủ ngôi nhà mà H đã được đi xem nhà trước đó, H đồng ý. Lò Thị Đ đi bộ đến quán Spa của Vì Thị P, Đ bảo P cùng Lò Mai H ngày 17/9/2024, vận chuyển 08 bánh Heroine đến thành phố L, tỉnh Lai Châu, giao cho một người mà H đã biết nhà từ trước, Đ sẽ trả công

cho P nhưng chưa nói rõ sẽ trả bao nhiêu tiền, P đồng ý. H đi về nhà, nói cho Bùi Ngọc Đ biết việc Lò Thị Đ thuê Lò Mai H, Vì Thị P vận chuyển ma túy, H bảo Đ khoảng 8 giờ ngày 17/9/2024, Đ điều khiển xe mô tô đi kiểm tra đường từ thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đến thành phố L, tỉnh Lai Châu, để H, P vận chuyển ma túy đi sau, Đ đồng ý. Khoảng 7 giờ ngày 17/9/2024, Vì Thị P điều khiển xe mô tô Honda Sh, màu xám đen, B số 27B2-139.01, đến nhà của Lò Thị Đ ở Bản H, xã T, huyện Đ, Đ bảo Vì Thị P đi đến bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, lấy túi nilon màu đỏ chứa 08 bánh Heroine ở trong kho thóc tại gầm nhà sàn, để vận chuyển đến tỉnh Lai Châu, P đồng ý và ở nhà Đ chờ Lò Mai H. Khoảng 8 giờ cùng ngày, Lò Mai H điều khiển xe mô tô Honda Lead, màu đen, biển số 27B2-239.97, đến nhà Lò Thị Đ ở Bản H, xã T, huyện Đ, gặp P và Đ, Đ nói với Lò Mai H là Đ sẽ trả cho H 50.000.000 đồng tiền công vận chuyển ma túy, H đồng ý. Vì Thị P và Lò Mai H thống nhất, H sẽ điều khiển xe mô tô của H đi đến nhà của Bùi Thị H, sinh năm 1990, tại tổ dân phố 10, phường T5, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, để gửi xe mô tô của H, còn P điều khiển xe mô tô của P đi đến bản N, xã T, huyện Đ lấy ma túy, vận chuyển ma túy đi đến phường T6, thành phố Đ, đón H. Thống nhất xong, Lò Mai H điều khiển xe mô tô Honda Lead, màu đen, biển số 27B2-239.97 đi đến nhà Bùi Thị H, Vì Thị P điều khiển mô tô Honda Sh, màu xám đen, biển số 27B2-139.01, đi đến bản N, xã T, huyện Đ lấy túi nilon màu đỏ chứa 08 bánh Heroine ở trong kho thóc tại gầm nhà sàn, P treo túi nilon màu đỏ chứa ma túy ở móc phía trước yên xe mô tô rồi điều khiển xe đi đến phường T5, thành phố Đ đón H. Sau khi gửi xe mô tô, Lò Mai H đi bộ đến khu vực tổ dân phố 7, phường T5, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên thì gặp Vì Thị P đang chờ tại đây. Vì Thị P điều khiển xe mô tô Honda Sh, màu xám đen, biển số 27B2-139.01, chở Lò Mai H cùng ma túy đi hướng đến thành phố L, tỉnh Lai Châu, còn Bùi Ngọc Đ đã điều khiển xe mô tô Honda Wave α, màu trắng đen bạc, biển số 29G1-439.41 của Nguyễn Khắc D, sinh năm 1986, cư trú tại số 1 Nguyễn Huy T, phường T, quận T, thành phố Hà Nội, đi trước kiểm tra đường. Quá trình vận chuyển ma túy từ thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đến thành phố L, tỉnh Lai Châu, Vì Thị P và Lò Mai H thay nhau điều khiển xe mô tô Honda Sh, màu xám đen, biển số 27B2-139.01. Khoảng 14 giờ 40 phút cùng ngày, Vì Thị P điều khiển xe mô tô chở Lò Mai H đi đến nhà của Lò Thị T, P lấy túi nilon màu đỏ chứa 08 bánh Heroine treo ở móc phía trước yên xe mô tô, giao cho H. Do nhìn thấy Lò Thị T đang đi từ trong nhà hướng ra cổng nhà nên H đã để túi nilon màu đỏ chứa 08 bánh Heroine ở cổng nhà T, rồi Vì Thị P điều khiển xe mô tô chở H đi về. Khi vừa điều khiển xe mô tô đi về, Vì Thị P, Lò Mai H sử dụng điện thoại của P gọi điện thoại thông báo cho Lò Thị Đ biết đã giao ma túy xong. Ngay sau đó, Lò Thị Đ gọi điện thoại thông báo cho Giàng Thị N biết, N đã gọi điện thoại bảo Lò Thị T đi ra cổng nhà T nhận 08 bánh Heroine. Lò Thị T đi ra cổng nhà thấy một túi nilon màu đỏ chứa 08 bánh Heroine để ở giữa cổng, T xách túi nilon chứa ma túy để gốc cây đu đủ trước sân nhà, rồi gọi điện thoại thông báo cho Giàng Thị N biết T đã nhận được đủ 08 bánh Heroine. Sau đó, Lò Thị T gọi điện thoại thông báo cho người nam giới Trung Quốc, T đã chuẩn bị được 08 bánh Heroine, người nam giới Trung Quốc

bảo T vận chuyển ma túy đến km 0 gần cửa khẩu M thuộc xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu, giao cho người nam giới. Khoảng 16 giờ cùng ngày, Lò Thị T đón xe taxi vận chuyển ma túy đi từ nhà T đến xã M, huyện P. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, Lò Thị T vận chuyển ma túy đi đến km 0 thuộc xã M, T xách túi nilon màu đỏ chứa 08 bánh Heroine đi cất giấu ở bụi cây cách mặt đường khoảng 10 mét, rồi T đứng ở đường đi cạnh km 0, chờ người nam giới Trung Quốc. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, người nam giới Trung Quốc đi đến vị trí của Lò Thị T, đưa cho T một túi nilon màu đen chứa 960.000.000 đồng, để trả tiền mua 08 bánh Heroine, T đã chỉ vị trí cất giấu túi nilon màu đỏ chứa 08 bánh Heroine ở bụi cây cho người nam giới Trung Quốc biết, để người nam giới Trung Quốc tự đi lấy ma túy. Mua bán ma túy xong, Lò Thị T xách túi nilon màu đen chứa 960 triệu đồng đi xe taxi về nhà, T sử dụng 01 triệu đồng từ số tiền 960.000.000 đồng, trả tiền đi xe ô tô taxi 1.000.000 đồng, còn 959.000.000 đồng còn lại, T cất giấu ở trong phòng ngủ của T. Ngày 18/9/2024, Giàng Thị N đi đến nhà Lò Thị T lấy 880.000.000 đồng tiền bán 08 bánh Heroine cho T. Ngày 19/9/2024, Giàng Thị N mang 880.000.000 đồng đến nhà sàn của Lò Thị Đ ở bản N, xã T, huyện Đ, cùng Đ chia tiền bán ma túy gồm: Tiền mua 08 bánh Heroine hết 615.000.000 đồng; thuê người vận chuyển ma túy hết 125.000.000 đồng; 20.000.000 đồng tiền công thuê người đi nhận tiền bán ma túy (N tự trừ để hưởng lợi thêm 20.000.000 đồng; Đ và N mỗi người hưởng lợi 60.000.000 đồng, Sau khi chia tiền bán ma túy, Lò Thị Đ nhận 800.000.000 đồng, Giàng Thị N nhận 80.000.000 đồng. Lò Thị Đ gọi điện thoại cho T để trả 615.000.000 đồng tiền mua 08 bánh Heroine, T bảo sẽ cử một người nam giới tên là B1, khoảng 40 tuổi, là người nước Lào, đến nhà Đ nhận tiền bán ma túy. Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 20/9/2024, tại cổng nhà của Lò Thị Đ ở Bản H, xã T, huyện Đ, Đ giao 615.000.000 đồng cho B1, trả tiền mua ma túy cho T. Khoảng 8 giờ ngày 21/9/2024, Lò Thị Đ đi đến quán Spa của Vì Thị P ở Bản H, xã T, huyện Đ, gặp với nhà của Đ, trả 30.000.000 đồng tiền công vận chuyển ma túy cho P, do trước đây, P vay 25.000.000 đồng của Đ để mở quán Spa nên Đ đã trừ tiền P vay, chỉ trả cho P 5.000.000 đồng tiền công vận chuyển ma túy. Khoảng 15 giờ cùng ngày, Lò Thị Đ đi bộ đến nhà của Lò Văn T2, trả cho T 45.000.000 tiền công đi nhận, vận chuyển ma túy. Khoảng 8 giờ ngày 22/9/2024, Lò Thị Đ đi đến quán Spa của Vì Thị P, nhờ P giao tiền công vận chuyển ma túy cho Lò Mai H, do trước đó, H ứng trước 2.000.000 đồng nên Đ đã trừ, chỉ đưa cho P 48.000.000 đồng để trả công vận chuyển ma túy cho H. Khoảng 10 giờ cùng ngày, tại cổng Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên, Vì Thị P giao 48.000.000 đồng cho Lò Mai H. Số tiền được hưởng lợi từ hành vi vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy các bị can đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Theo Biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định chất ma túy ngày 25/10/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Điện Biên và Kết luận giám định số 1653/KL-KTHS, ngày 27/10/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Vật chứng thu giữ của Lò Văn B có khối lượng là 14,12 gam; mẫu các viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của Lò Văn B gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

Công văn số 26/CV-KTHS ngày 26/10/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên, kết luận khối lượng 01 bánh Heroine phát hiện, thu giữ từ ngày 01/6/2024 đến ngày 26/10/2024, dao động từ 268,18 gam đến 318,05 gam. Do đó xác định khối lượng thấp nhất của 01 bánh Heroine là 268,18 gam, để áp dụng đối với khối lượng 08 bánh Heroine mà các bị cáo Lò Thị Đ, Giàng Thị N, Lò Thị T, Lò Mai H, Vì Thị P, Bùi Ngọc Đ đã vận chuyển, mua bán trái phép vào ngày 17/9/2024 ( $268,18 \text{ gam} \times 8 \text{ bánh Heroine} = 2.145,44 \text{ gam Heroine}$ ).

Đối với 30 viên Methamphetamine Lò Văn B mua của Lò Thị Đ vào ngày 05/7/2024, do 30 viên ma túy này có chủng loại, nguồn gốc, đặc điểm giống như 148 viên Methamphetamine thu giữ của Lò Văn B vào ngày 24/10/2024 có tổng khối lượng 14,12 gam. Do đó, lấy khối lượng trung bình của 148 viên Methamphetamine là 0,095 gam làm căn cứ xác định khối lượng 30 viên Methamphetamine ( $0,095 \text{ gam Methamphetamine} \times 30 \text{ viên} = 2,85 \text{ gam Methamphetamine}$ ).

Tại bản Cáo trạng số: 30/CT-VKSĐB-P1 ngày 08/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên để xét xử bị cáo Lò Thị Đ về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự, xét xử các bị cáo Giàng Thị N, Lò Thị T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự; xét xử các bị cáo Lò Mai H, Vì Thị P, Bùi Ngọc Đ về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự; xét xử bị cáo Lò Văn B về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; xét xử bị cáo Vì Văn A về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lò Thị Đ, Lò Thị T, Giàng Thị N, Lò Văn B, Vì Văn A phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; tuyên bố các bị cáo Lò Mai H, Vì Thị P, Bùi Ngọc Đ phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

**\* Về trách nhiệm hình sự:**

1. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 40; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lò Thị Đ tử hình.

2. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 40, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Giàng Thị N tử hình.

- Xử phạt bị cáo Lò Thị T tử hình.

3. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 2 Điều 40; Điều 39 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lò Mai H tù chung thân.

- Xử phạt bị cáo Vì Thị P tù chung thân.

4. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 39 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc Đ tù chung thân.

5. Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251, điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lò Văn B 08 (tám) năm tù.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Vì Văn A 24 tháng tù đến 30 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 tháng đến 60 tháng.

7. Áp dụng khoản 4 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam các bị cáo Lò Thị Đ, Giàng Thị N, Lò Thị T để đảm bảo thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lò Thị Đ, Giàng Thị N, Lò Thị T, Lò Văn B, Vì Văn A.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lò Mai H, Vì Thị P, Bùi Ngọc Đ.

**\* Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

**- Tịch thu tiêu hủy:**

+ 13,65 gam Methamphetamine còn lại sau khi trích gửi mẫu giám định.

+ 01 áo khoác màu đen, đã qua sử dụng, tạm giữ khi khám xét chỗ ở đối với Lò Văn B.

+ 01 ba lô màu xanh đen, có quai đeo màu đen, trên mặt ba lô có ghi chữ màu trắng NIKE, đã qua sử dụng, tạm giữ của Giàng Thị N.

**- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:**

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave  $\alpha$ , màu xanh đen bạc, biển số 27B2-210.14, số máy JA39E-2238495, số khung RLHJA3928MY121180, loại xe hai bánh từ 50 - 175 cm<sup>3</sup>, dung tích xi lanh 109 cm<sup>3</sup>, sản xuất năm 2021, đã qua sử dụng, tạm giữ của Lò Thị Đ (không có đồ vật, tài liệu gì trong cốp xe, không có chìa khóa xe mô tô).

+ 01 xe máy nhãn hiệu Honda, số loại Lead, màu đen, B số 27B2-239.97, số máy JF89E-0339608, số khung RLHJF7924MZ006546, loại xe hai bánh từ 50 - 175cm<sup>3</sup>, dung tích xi lanh 124 cm<sup>3</sup>, sản xuất năm 2021, xe đã qua sử dụng, tạm giữ của Lò Mai H (không có đồ vật, tài liệu gì trong cốp xe).

+ 01 xe máy nhãn hiệu Honda, số loại SH150I, màu xám đen, biển số 27B2-139.01, số máy KF42E-1039170, số khung RLHKF4213LY030362, loại

xe hai bánh từ 50 - 175 cm<sup>3</sup>, dung tích xi lanh 156 cm<sup>3</sup>, sản xuất năm 2020, xe đã qua sử dụng, tạm giữ của Vì Thị P.

+ 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím cơ, đã qua sử dụng, tạm giữ của Lò Văn B.

+ 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS Max, màu vàng, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, tạm giữ của Vì Văn A.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím cơ, đã qua sử dụng, tạm giữ của Vì Thị P.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno11 Pro 5G, màu ghi, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, tạm giữ của Lò Thị Đ.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15, màu xanh, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, tạm giữ của Bùi Ngọc Đ.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S23 Ultra, màu xanh, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, tạm giữ của Lò Mai H.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 8Z 5G, màu vàng, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, tạm giữ của Giàng Thị N.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, màu vàng, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, tạm giữ của Giàng Thị N.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A1k, màu đen, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, tạm giữ của Lò Thị T.

- **Trả lại cho bị cáo Vì Thị P:** 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno, loại màn hình cảm ứng, màu trắng hồng, đã qua sử dụng, thu giữ của Vì Thị P.

- **Trả lại cho anh Nguyễn Khắc D:** 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave  $\alpha$ , màu trắng đen bạc, biển số 29G1-439.41, số máy HC12E-5452009, số khung RLHHC1211DY451953, loại xe hai bánh từ 50 – 175cm<sup>3</sup>, dung tích xi lanh 97 cm<sup>3</sup>, sản xuất năm 2014, xe đã qua sử dụng, tạm giữ của Bùi Ngọc Đ (không có đồ vật, tài liệu gì trong cốp xe).

**\* Về truy thu số tiền thu lợi bất chính:**

Truy thu số tiền do các bị cáo phạm tội mà có để nộp ngân sách nhà nước, cụ thể như sau: Truy thu của Lò Thị Đ số tiền 720.300.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu ba trăm nghìn đồng); Giàng Thị N 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng); Lò Thị T 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng); Lò Mai H 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); Vì Thị P 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

\* **Về án phí:** Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vì Thị P, Lò Văn B. Buộc các bị cáo Lò Thị

Đ, Giàng Thị N, Lò Thị T, Bùi Ngọc Đ, Lò Mai H, Vì Văn A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Những người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên, đồng thời không có ý kiến khiếu nại gì về các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lò Thị Đ đã tự thú về hành vi mua bán trái phép 08 bánh Heroine và các bị cáo Đ, B đều có anh ruột Lò Văn P là liệt sỹ, được Nhà nước thưởng Huân chương chiến công hạng Ba; nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Đ. Các bị cáo Lò Mai H, Vì Thị P đều có bác ruột Lò Văn P là liệt sỹ, được Nhà nước thưởng Huân chương chiến công hạng Ba; bị cáo Bùi Ngọc Đ có ông nội Bùi Tự Tăng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo Lò Mai H, Vì Thị P, Bùi Ngọc Đ. Người bào chữa cho bị cáo Lò Mai H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo H dưới mức thấp nhất của khung hình phạt; người bào chữa cho bị cáo Bùi Ngọc Đ đề nghị áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Đ; người bào chữa cho bị cáo Vì Thị P đề nghị áp dụng mức hình phạt 20 năm cho bị cáo P; người bào chữa cho bị cáo Lò Thị T đề nghị áp dụng mức hình phạt tù chung thân cho bị cáo T; người bào chữa cho bị cáo Lò Thị Đ và Giàng Thị N đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Đ và N; những người bào chữa cho các bị cáo đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo; đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vì Thị P, Lò Văn B.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lò Thị Đ, Giàng Thị N, Lò Thị T, Lò Văn B, Vì Văn A đã thừa nhận toàn bộ hành vi Mua bán trái phép chất ma túy; các bị cáo Lò Mai H, Vì Thị P, Bùi Ngọc Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi Vận chuyển trái phép chất ma túy như cáo trạng truy tố. Các bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng cũng như luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, nội dung bản luận cứ bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo, các bị cáo không có tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng trước khi nghị án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Khắc D trình bày trong hồ sơ vụ án: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, số loại Wave  $\alpha$ , màu trắng đen bạc, biển số 29G1-439.41 là xe máy của anh mua với giá 18 triệu đồng tại thành phố Hà Nội. Đến năm 2019, Bùi Ngọc Đ xuống Hà Nội chạy dịch vụ Grap đã mượn của anh chiếc xe máy nêu trên. Từ khi Đ mượn xe máy đến khi bị bắt, Đ không nói cho anh D biết việc Đ dùng xe máy để đi vận chuyển trái phép chất ma túy. Anh D đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe máy nêu trên cho anh D.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

### **[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:**

Qua phân tranh tụng công khai tại phiên tòa các bị cáo Lò Thị Đ, Giàng Thị N, Lò Thị T, Lò Mai H, Vì Thị P, Bùi Ngọc Đ, Lò Văn B, Vì Văn A đã khai và công nhận:

Từ ngày 01/7/2024 đến ngày 17/9/2024, tại Bản H và bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; cột mốc H1/95, Quốc lộ 12 thuộc phường S, thị xã M, tỉnh Điện Biên; bản S, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu. Bị cáo Lò Thị Đ đã thực hiện hành vi mua bán trái phép 08 bánh Heroine có tổng khối lượng 2.145,44 gam và 30 viên ma túy Methamphetamine có khối lượng 2,85 gam (tổng khối lượng hai chất ma túy là 2.148,29 gam). Cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 05/7/2024, Lò Thị Đ gọi điện cho Vì Văn A, bảo Anh lấy 30 viên Methamphetamine tại ngăn kéo bàn trang điểm trong phòng ngủ của Đ mang bán cho Lò Văn B với giá 300.000 đồng (Đ và B đã thỏa thuận giá mua bán trước đó là 10 nghìn đồng/01 viên Methamphetamine). Số tiền 300.000 đồng Vì Văn A đã đưa lại cho Lò Thị Đ.

Lần 2: Khoảng đầu tháng 8/2024, Lò Thị T đặt mua của Giàng Thị N 07 bánh Heroine với giá 110.000.000 đồng/01 bánh; sau đó N gọi điện bảo Đ đi mua 07 bánh Heroine về bán cho bạn của N. Đ gọi điện cho T đặt mua 07 bánh Heroine với giá 75.000.000 đồng/01 bánh. Đ và N thống nhất Đ đặt mua 07 bánh Heroine rồi vận chuyển đến tỉnh Lai Châu bán cho bạn của N, còn N đi nhận tiền bán 07 bánh Heroine. Đến cuối tháng 8/2024, Đ thuê Lò Mai H vận chuyển ma túy từ xã T, huyện Đ đến thành phố L, tỉnh Lai Châu để giao ma túy cho Lò Thị T và hứa sẽ trả công cho H. Sau đó Đ thuê Lò Văn Tinh đi nhận ma túy từ T, sẽ trả công cho Tinh 35 triệu đồng. Khoảng 16 giờ ngày 30/8/2024, Tinh gọi điện cho Đ đến nhà Lò Văn Ph nhận 07 bánh Heroine. Sau khi nhận ma túy từ T2, Đ gọi điện cho H đến lấy ma túy để vận chuyển lên thành phố L, tỉnh Lai Châu, Đ ứng trước cho H 2 triệu đồng tiền công. Sau khi nhận tiền, H cùng Bùi Ngọc Đ vận chuyển ma túy lên Lai Châu nhưng không thành công, Lò Mai H và Vì Thị P mang 07 bánh ma túy về giao lại cho Đ.

Lần 3: T gọi điện cho Đ thông báo T còn 01 bánh Heroine bán với giá 90.000.000 đồng, Đ đã gọi điện cho N để N gọi cho Lò Thị T, T đồng ý mua thêm 01 bánh Heroine, tổng cộng là 08 bánh Heroine, giá 110 triệu đồng/01 bánh. Khoảng gần giữa tháng 9/2024, Đ gọi điện cho Lò Văn T2 thuê T2 đến đến biên giới Việt Nam - Lào thuộc xã T5, huyện Đ nhận thêm 01 bánh Heroine mang về giao cho Đ, Đ sẽ trả công cho Tinh 10 triệu đồng. Khoảng 16 giờ ngày hôm sau, Tinh gọi cho Đ bảo Đ đi đến nhà T2 nhận 01 bánh Heroine. Ngày 17/9/2024, Đ bảo H cùng Vì Thị P vận chuyển 08 bánh Heroine đến thành phố L, tỉnh Lai Châu giao cho T, Đ sẽ trả công cho H 50 triệu đồng tiền công vận chuyển. Sau đó Lò Mai H và Vì Thị P cùng nhau vận chuyển 08 bánh Heroine

lên Lai Châu, Bùi Ngọc Đ đi trước kiểm tra đường. Khoảng 14 giờ cùng ngày, H và P đến nhà của T, P lấy túi nilon màu đỏ chứa 08 bánh Heroine giao cho H, H đã để túi nilon chứa 08 bánh Heroine ở cổng nhà T rồi cùng P điều khiển xe máy đi về. Giao ma túy xong, H gọi điện thông báo cho Đ biết, Đ đã gọi điện thông báo cho N biết, N gọi điện bảo T ra cổng nhận ma túy. T nhận được 08 bánh Heroine thì gọi điện thông báo lại cho N, T mang 08 bánh Heroine bán cho người nam giới Trung Quốc nhận số tiền 960 triệu đồng. Ngày 19/9/2024, N đến nhà T lấy 880 triệu đồng tiền bán 08 bánh ma túy cho T. N cầm 880 triệu đồng mang đến nhà Đ để cùng chia tiền bán ma túy. N nhận 80 triệu đồng tiền lãi từ việc mua bán ma túy còn 800 triệu đồng đưa cho Đ. Đ lấy 60 triệu đồng tiền lãi sau đó mang 615 triệu đồng trả tiền mua ma túy cho T; trả công vận chuyển ma túy cho Lò Văn T2 45 triệu đồng; trả cho Vì Thị P 30 triệu đồng tiền công thuê P vận chuyển ma túy (trừ 25 triệu đồng P nợ Đ trước đó, còn lại 5 triệu đồng); trả cho H 50 triệu đồng tiền công thuê H vận chuyển ma túy (trừ đi 2 triệu đã đưa trước đó, còn lại 48 triệu đồng).

Các bị cáo Giàng Thị N, Lò Thị T đã thực hiện hành vi mua trái phép 08 bánh Heroine, có tổng khối lượng 2.145,44 gam.

Các bị cáo Lò Mai H, Vì Thị P, Bùi Ngọc Đ đã thực hiện hành vi vận chuyển trái phép 08 bánh Heroine, có tổng khối lượng 2.145,44 gam.

Bị cáo Lò Văn B đã thực hiện hành vi mua bán trái phép 178 viên ma túy Methamphetamine, có tổng khối lượng 16,97 gam. Cụ thể: Lần 1: Vào ngày 05/7/2024, B mua của Lò Thị Đ 30 viên Methamphetamine với giá 300.000 đồng. Sau đó B đã trả công cho L 30 viên Methamphetamine là 1,5 ngày công thuê L cắt cỏ cho trâu và buộc cây lúa bị đổ. Lần 2: Đầu tháng 9/2024, B đặt mua 200 viên Methamphetamine của Vì Thị T với giá 5.000 đồng/01 viên, mục đích để bán kiếm lời. Khoảng 07 giờ ngày hôm sau, T1 giao cho B 01 túi nilon chứa 200 viên Methamphetamine, B đưa cho T1 1.000.000 đồng, trả tiền mua ma túy. Sau đó B thuê L đi cắt cỏ cho Trâu ăn 0,5 ngày và lấy 10 viên Methamphetamine trả công cho L. Từ tháng 9/2024 đến ngày 20/10/2024 B đã bán 42 viên Methamphetamine cho những người nghiện ma túy không biết tên địa chỉ với giá 10.000 đồng/01 viên; 148 viên còn lại B cất tại nhà Lò Văn Ph.

Bị cáo Vì Văn A đã thực hiện hành vi mua bán trái phép 30 viên ma túy Methamphetamine, có tổng khối lượng 2,85 gam (*bị cáo Anh được mẹ đẻ là bị cáo Lò Thị Đ nhờ đưa ma túy cho bị cáo B, bị cáo không được hưởng lợi gì từ việc mua bán trái phép chất ma túy*).

Mục đích các bị cáo Lò Thị Đ, Lò Thị T, Giàng Thị N, Lò Mai H, Vì Thị P, Bùi Ngọc Đ, Lò Văn B vận chuyển, mua bán ma túy để bán kiếm lời.

Lời khai nhận tội của các bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như Cáo trạng số 30/CT-VKSĐB-P1 ngày 08/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố.

Hành vi mua bán trái phép 08 bánh Heroine có tổng khối lượng 2.145,44 gam và 30 viên ma túy Methamphetamine có khối lượng 2,85 gam của bị cáo

Lò Thị Đ; hành vi mua bán trái phép 08 bánh Heroine có tổng khối lượng là 2.145,44 gam ma túy của các bị cáo Giàng Thị N, Lò Thị T; hành vi vận chuyển trái phép 08 bánh Heroine có tổng khối lượng là 2.145,44 gam của các bị cáo Lò Mai H, Vì Thị P, Bùi Ngọc Đ là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội.

Hành vi mua bán trái phép 178 viên ma túy Methamphetamine có tổng khối lượng 16,91 gam của bị cáo Lò Văn B là rất nguy hiểm cho xã hội; hành vi mua bán trái phép 30 viên ma túy Methamphetamine có tổng khối lượng 2,85 gam của bị cáo Vì Văn A là nguy hiểm cho xã hội.

Với khối lượng ma túy nói trên, buộc bị cáo Lò Thị Đ phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự; buộc các bị cáo Giàng Thị N, Lò Thị T phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự; buộc các bị cáo Lò Mai H, Vì Thị P, Bùi Ngọc Đ phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự; buộc bị cáo Lò Văn B phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; buộc bị cáo Vì Văn A phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử bị cáo Lò Thị Đ về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự; xét xử các bị cáo Giàng Thị N, Lò Thị T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự; xét xử các bị cáo Lò Mai H, Vì Thị P, Bùi Ngọc Đ về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự; xét xử bị cáo Lò Văn B về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; xét xử bị cáo Vì Văn A về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

### **Điều 250. Vận chuyển bán trái phép chất ma túy**

1. *Người nào vận chuyển trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích sản xuất, mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

4. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:*

...b) *Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên;*

### **Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy**

1. *Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.*

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:*

...i) *Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 5 gam đến dưới 30 gam;*

4. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:*

...b) *Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên;*

...h) *Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này;*

## **[2] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm:**

Hành vi phạm tội của các bị cáo Lò Thị Đ, Giàng Thị N, Lò Thị T, Lò Mai H, Vì Thị P, Bùi Ngọc Đ thuộc trường hợp tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội có mức cao nhất của khung hình phạt là tử hình; hành vi phạm tội của bị cáo Lò Văn B thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng; hành vi phạm tội của bị cáo Vì Văn A thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng, được quy định tại Điều 9 Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

## **[3] Xét về hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra:**

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo Lò Thị Đ, Giàng Thị N, Lò Thị T và hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy của các bị cáo Lò Mai H, Vì Thị P, Bùi Ngọc Đ là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Lò Văn B là rất nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Vì Văn A là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nguy hiểm cho xã hội; các hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý và sử dụng các chất ma túy, đã tiếp tay cho các loại tội phạm gia tăng, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn, cần phải được xử lý nghiêm.

## **[4] Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án:**

Đây là vụ án đồng phạm, các bị cáo Lò Thị Đ, Giàng Thị N, Lò Thị T là người khởi xướng, giữ vai trò chính. Các bị cáo Lò Mai H, Vì Thị P, Bùi Ngọc Đ, Lò Văn B, Vì Văn A đều là người thực hành cùng trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội.

## **[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:**

- Về nhân thân: Các bị cáo Lò Thị Đ, Giàng Thị N, Lò Văn B đã từng bị Tòa án xét xử về tội phạm ma túy, mặc dù các bị cáo đã chấp hành xong bản án và được xóa án tích nhưng vẫn bị coi là có nhân thân xấu, ở lần phạm tội này các bị cáo Lò Thị Đ, Giàng Thị N lại phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; bị cáo Lò Văn B phạm tội rất nghiêm trọng; các bị cáo chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Các bị cáo Lò Thị T, Lò Mai H, Vì Thị P, Bùi Ngọc Đ, Vì Văn A đều có nhân thân tốt và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị kết án.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lò Thị Đ đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên phải chịu tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Lò Thị T, Giàng Thị N, Lò Mai H, Vì Thị P, Bùi Ngọc Đ, Lò Văn B, Vì Văn A không phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi bị bắt và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lò Văn B, Lò Thị Đ đã tự thú về hành vi phạm tội của bản thân và của các bị cáo khác nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho. Các bị cáo Lò Thị Đ, Lò Văn B, Lò Mai H, Vì Thị P, Vì Văn A đều có anh ruột và bác ruột Lò Văn P là liệt sỹ, được Nhà nước thưởng Huân chương chiến công hạng Ba; bị cáo Bùi Ngọc Đ có ông nội Bùi Tự Tăng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về phân hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc khi quyết định hình phạt.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Lò Mai H đề nghị áp dụng Điều 54 xử phạt bị cáo H dưới mức thấp nhất của khung hình phạt; người bào chữa cho bị cáo Bùi Ngọc Đ đề nghị áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Đ; người bào chữa cho bị cáo Vì Thị P đề nghị áp dụng mức hình phạt 20 năm cho bị cáo P; người bào chữa cho bị cáo Lò Thị T đề nghị áp dụng mức hình phạt tù chung thân cho bị cáo T; người bào chữa cho bị cáo Lò Thị Đ và Giàng Thị N đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Đ và N; Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận.

Để nghiêm trị những hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nhất là tội phạm về ma túy; căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Với tổng khối lượng chất ma túy 2.148,29 gam (gồm 2.145,44 gam Heroine và 2,85 gam Methamphetamine) của bị cáo Lò Thị Đ; tổng khối lượng chất ma túy 2.145,44 gam Heroine của các bị cáo Giàng Thị N, Lò Thị T, Lò Mai H, Vì Thị P, Bùi Ngọc Đ đã vận chuyển, mua bán trái phép là đặc biệt nghiêm trọng. Để lấy đây làm bài học cảnh báo chung cho toàn xã hội, phục vụ cho công tác đấu tranh, ngăn ngừa các loại tội phạm trong tình hình hiện nay. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt cao nhất đó là loại trừ các bị cáo Lò Thị Đ, Giàng Thị N, Lò Thị T ra khỏi đời sống xã hội theo quy định tại Điều 40 Bộ luật Hình sự.

Với vai trò là người thực hiện hành vi phạm tội, mặc dù các bị cáo Lò Mai H, Vì Thị P đã thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy với khối lượng đặc biệt lớn (2.145,44 gam Heroine) nhưng các bị cáo H, P phạm tội lần đầu, đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi (*con nhỏ nhất của bị cáo H sinh ngày 19/12/2022; con nhỏ nhất của bị cáo P sinh ngày 04/10/2023*). Vì vậy, để thể hiện chính sách nhân đạo trong pháp luật hình sự, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 40 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù không có thời hạn đối với các bị cáo H, P theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Bùi Ngọc Đ là người đã giúp sức cho các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không được hưởng lợi gì. Hội đồng xét xử thấy rằng chỉ cần áp dụng mức hình phạt tù không có thời hạn đối với bị cáo cũng đủ sức giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với bị cáo Lò Văn B, Vì Văn A, Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn theo quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Tuy nhiên đối với bị cáo Vì Văn A do được bị cáo Lò Thị Đ (*mẹ đẻ của bị cáo Anh*) nhờ lấy ma túy để giao cho bị cáo B, khối lượng là 2,85 gam Methamphetamine, với vai trò giúp sức, không được hưởng lợi gì trong việc mua bán trái phép ma túy giữa bị cáo Đ và bị cáo B. Xét tính chất, mức độ, hậu quả mà bị cáo A thực hiện, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; do vậy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Để tạo điều kiện cho bị cáo học tập, lao động trong cộng đồng xã hội và cũng thể hiện chính sách giáo dục hơn trừng trị của pháp luật Việt Nam đối với người phạm tội. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự phạt tù cho bị cáo Vì Văn A hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách để bị cáo có điều kiện làm ăn sinh sống, học tập trong môi trường xã hội.

#### **[6] Về hình phạt bổ sung:**

Theo quy định tại khoản 5 Điều 250 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015:

*“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.*

Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của các bị cáo là nông nghiệp, lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 250 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

**[7] Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về xử lý vật chứng như sau:

- Đối với 13,65 gam Methamphetamine còn lại sau khi trích gửi mẫu giám định là vật thuộc lại Nhà nước cầm tàng trữ; 01 áo khoác màu đen, đã qua sử dụng, tạm giữ khi khám xét chỗ ở đối với Lò Văn B và ba lô màu xanh đen, có quai đeo màu đen, trên mặt ba lô có ghi chữ màu trắng NIKE, đã qua sử dụng, tạm giữ của Giàng Thị N, là vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với các công cụ, phương tiện bao gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave  $\alpha$ , màu xanh đen bạc, biển số 27B2-210.14; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS Max, màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen; 01 xe máy nhãn hiệu Honda, số loại SH150I, màu xám đen, biển số 27B2-139.01; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno11 Pro 5G, màu ghi; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15, màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S23 Ultra, màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 8Z 5G, màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A1k, màu đen; 01 xe máy nhãn hiệu Honda, số loại Lead, màu đen, biển số 27B2-239.97; do các bị cáo sử dụng để làm công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Vì Thị P 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno, do các bị cáo không dùng vào việc phạm tội.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave  $\alpha$ , màu trắng đen bạc, B số 29G1-439.41, tạm giữ của Bùi Ngọc Đ, đây là xe máy bị cáo Đ mượn của anh Nguyễn Khắc D, khi mượn không nói cho anh D biết để làm gì, do đó cần trả lại chiếc xe máy trên cho anh Nguyễn Khắc D.

#### **[8] Về truy thu số tiền do các bị cáo phạm tội mà có:**

Các bị cáo Lò Thị Đ, Lò Thị T, Giàng Thị N, Lò Mai H, Vì Thị P được hưởng lợi từ việc mua bán trái phép 08 bánh Heroine và 30 viên Methamphetamine, cụ thể:

- Bị cáo Lò Thị Đ đã được hưởng lợi 720.300.000 đồng (*Bảy trăm hai mươi triệu ba trăm nghìn đồng*). Trong đó: Bị cáo hưởng lợi 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*) tiền chênh lệch giá; số tiền 615 triệu đồng bị cáo khai đã trả cho T và 45 triệu đồng đã trả cho Tinh, hai khoản tiền này bị cáo không chứng minh được T và Tinh đã nhận, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm nộp lại và số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) từ việc mua bán 30 viên Methamphetamine.

- Bị cáo Giàng Thị N được hưởng lợi 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) từ việc mua bán 08 bánh Heroine.

- Bị cáo Lò Thị T được hưởng lợi 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) từ việc mua bán 08 bánh Heroine.

- Bị cáo Lò Mai H được hưởng lợi 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) tiền vận chuyển 08 bánh Heroine.

- Bị cáo Vì Thị P được hưởng lợi 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) tiền vận chuyển 08 bánh Heroine.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng đối với số tiền các bị cáo đã thu lợi được từ việc vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy cần phải tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, khi có được số tiền đó các bị cáo đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền này để nộp ngân sách Nhà nước, số tiền cụ thể bao gồm: Lò Thị Đ phải nộp lại số tiền 720.300.000 đồng; bị cáo Giàng Thị N phải nộp lại số tiền 80.0000.000 đồng; bị cáo Lò Thị T phải nộp lại số tiền 80.000.000 đồng; bị cáo Lò Mai H phải nộp lại số tiền 50.000.000 đồng; bị cáo Vì Thị P phải nộp lại số tiền 30.000.000 đồng.

#### **[9] Các vấn đề khác của vụ án:**

Đối với người phụ nữ tên là T; người đàn ông tên là K; người đàn ông tên là B1; người nam giới Trung Quốc; Lò Văn L. Do các bị cáo Lò Thị Đ, Lò Thị T, Lò Văn B không biết rõ nhân thân lai lịch. Cơ quan điều tra không có đủ cơ sở để điều tra làm rõ, nên không đề cập xử lý trong vụ.

Quá trình điều tra không đủ căn cứ xác định Lò Văn T2, Vì Thị T1 thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy; mua bán trái phép chất ma túy, nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Phạm Văn X, Phạm Trung D, quá trình điều tra xác định, Phạm Văn X, Phạm Trung D không liên quan đến hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy của Lò Mai H, Bùi Ngọc Đ. Nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với những người Lò Văn B khai không biết tên và địa chỉ mua ma túy Methamphetamine của Lò Văn B. Do Lò Văn B không rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra làm rõ, nên không có căn cứ để buộc Lò Văn B phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số ma túy Lò Văn B khai bán cho những người không biết tên và địa chỉ.

Đối với một điện thoại di động Lò Thị Đ đưa cho Lò Mai H sử dụng liên hệ với người nữ giới điều khiển xe ôm, để người nữ giới chỉ nhà của Lò Thị T cho H giao ma túy. Sau khi sử dụng, Lò Mai H đã vứt bỏ, nên Cơ quan điều tra không tạm giữ được để xử lý theo quy định.

**[10] Về án phí:** Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vì Thị P, Lò Văn B. Buộc các bị cáo Lò Thị Đ, Giàng Thị N, Lò Thị T, Lò Mai H, Bùi Ngọc Đ, Vì Văn A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**[11] Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

**[12]** Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên Công an tỉnh Điện Biên; Kiểm sát viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người bào chữa cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 250, Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

**1. Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Lò Thị Đ, Giàng Thị N, Lò Thị T, Lò Văn B, Vì Văn A phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Các bị cáo Lò Mai H, Vì Thị P, Bùi Ngọc Đ phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

### **2. Về hình phạt:**

**2.1.** Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 40; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lò Thị Đ tử hình.

**2.2.** Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 40, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Giàng Thị N tử hình.

- Xử phạt bị cáo Lò Thị T tử hình.

**2.3.** Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 2 Điều 40; Điều 39 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lò Mai H tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 27/10/2024.

- Xử phạt bị cáo Vì Thị P tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 27/10/2024.

**2.4.** Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 39 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc Đ tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 27/10/2024.

**2.5.** Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251, điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lò Văn B 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/10/2024.

**2.6.** Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Vì Văn A 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/5/2025). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Vì Văn A, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

*Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Vì Văn A cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc Vì Văn A phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho Vì Văn A hưởng án treo.*

**2.7. Áp dụng khoản 4 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự:** Tiếp tục tạm giam các bị cáo Lò Thị Đ, Giàng Thị N, Lò Thị T để đảm bảo thi hành án.

**3. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

### **3.1. Tịch thu tiêu hủy:**

+ 13,65 gam Methamphetamine còn lại sau khi trích gửi mẫu giám định.

+ 01 áo khoác màu đen, đã qua sử dụng, tạm giữ khi khám xét chỗ ở đối với Lò Văn B.

+ 01 ba lô màu xanh đen, có quai đeo màu đen, trên mặt ba lô có ghi chữ màu trắng NIKE, đã qua sử dụng, tạm giữ của Giàng Thị N.

### **3.2. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:**

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave  $\alpha$ , màu xanh đen bạc, biển số 27B2-210.14, số máy JA39E-2238495, số khung RLHJA3928MY121180, loại xe hai bánh từ 50 - 175 cm<sup>3</sup>, dung tích xi lanh 109 cm<sup>3</sup>, sản xuất năm 2021, đã qua sử dụng, tạm giữ của Lò Thị Đ (không có đồ vật, tài liệu gì trong cốp xe, không có chìa khóa xe mô tô).

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno11 Pro 5G, màu ghi, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, tạm giữ của Lò Thị Đ.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 8Z 5G, màu vàng, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, tạm giữ của Giàng Thị N.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max, màu vàng, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, tạm giữ của Giàng Thị N.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A1k, màu đen, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, tạm giữ của Lò Thị T.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S23 Ultra, màu xanh, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, tạm giữ của Lò Mai H.

+ 01 xe máy nhãn hiệu Honda, số loại Lead, màu đen, biển số 27B2-239.97, số máy JF89E-0339608, số khung RLHJF7924MZ006546, loại xe hai bánh từ 50 - 175cm<sup>3</sup>, dung tích xi lanh 124 cm<sup>3</sup>, sản xuất năm 2021, xe đã qua sử dụng, tạm giữ của Lò Mai H (không có đồ vật, tài liệu gì trong cốp xe).

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím cơ, đã qua sử dụng, tạm giữ của Vì Thị P.

+ 01 xe máy nhãn hiệu Honda, số loại SH150I, màu xám đen, biển số 27B2-139.01, số máy KF42E-1039170, số khung RLHKF4213LY030362, loại xe hai bánh từ 50 - 175 cm<sup>3</sup>, dung tích xi lanh 156 cm<sup>3</sup>, sản xuất năm 2020, xe đã qua sử dụng, tạm giữ của Vì Thị P.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15, màu xanh, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, tạm giữ của Bùi Ngọc Đ.

+ 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím cơ, đã qua sử dụng, tạm giữ của Lò Văn B.

+ 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS Max, màu vàng, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, tạm giữ của Vì Văn A.

**3.3. Trả lại cho bị cáo Vì Thị P:** 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno, loại màn hình cảm ứng, màu trắng hồng, đã qua sử dụng, thu giữ của Vì Thị P.

**3.4. Trả lại cho anh Nguyễn Khắc Dũng:** 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave  $\alpha$ , màu trắng đen bạc, B số 29G1-439.41, số máy HC12E-5452009, số khung RLHHC1211DY451953, loại xe hai bánh từ 50 – 175cm<sup>3</sup>, dung tích xi lanh 97 cm<sup>3</sup>, sản xuất năm 2014, xe đã qua sử dụng, tạm giữ của Bùi Ngọc Đ (không có đồ vật, tài liệu gì trong cốp xe).

*(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 09/4/2025).*

**3.5. Về truy thu số tiền do các bị cáo phạm tội mà có:** Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, buộc các bị cáo Lò Thị Đ, Lò Thị T, Giàng Thị N, Lò Mai H, Vì Thị P phải nộp lại tổng số tiền 960.300.000 (*Chín trăm sáu mươi triệu ba trăm nghìn đồng*) do phạm tội mà có để nộp vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể:

- Bị cáo Lò Thị Đ phải nộp lại số tiền 720.300.000 đồng (*Bảy trăm hai mươi triệu ba trăm nghìn đồng*).

- Bị cáo Giàng Thị N phải nộp lại số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

- Buộc bị cáo Lò Thị T phải nộp lại số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

- Buộc bị cáo Lò Mai H phải nộp lại số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

- Buộc bị cáo Vì Thị P phải nộp lại số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

**4. Về án phí:** Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vì Thị P, Lò Văn B.

Buộc các bị cáo Lò Thị Đ, Giàng Thị N, Lò Thị T, Lò Mai H, Bùi Ngọc Đ, Vì Văn A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 331, Điều 333, Điều 367 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/5/2025).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam./.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên (PC 04);
- Các bị cáo;
- Những người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Trại tạm giam, Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV, Công an tỉnh Điện Biên;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I (Tòa án nhân dân tối cao);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Phương**